

Bản án số: 491/2024/DS-PT

Ngày 12 – 12 – 2024

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang.

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Hoàng.

Bà Hoàng Thị Hải Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Điện - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 390/2024/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2024, về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 259/2024/DS-ST Ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 315/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hồ Văn T, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Số A, đường T, khóm E, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trần Hoàng P, là Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh C (có mặt).

- Bị đơn: Ông Hồng Văn N, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Số I, đường T, khóm E, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Hữu N1, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số B, đường L, khóm B, phường A, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Hồng Văn C, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Số I, đường T, khóm E, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2/ Anh Hồ Thanh T1, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Số A, đường T, khóm E, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

3/ Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1952 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường T, khóm E, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

4/ Chị Hồng Thị Q, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, đường L, khóm E, phường A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

5/ Chị Hồ Thị Kiều O, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số A, đường T, khóm E, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau;

6/ Bà Lê Thị D, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số A, đường T, khóm E, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D, chị O: Ông Hồ Văn T, sinh năm 1961; Địa chỉ: Số A, đường T, khóm E, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Hồng Văn N và Hồng Văn C là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Hồ Văn T trình bày:* Ông T khởi kiện yêu cầu ông N trả lại cho ông phần đất diện tích 172m² tọa lạc tại đường T, khóm E, phường H, thành phố C. Phần đất có hướng Đông tiếp giáp đường Trương Phùng Xuân dài 04m, hướng Tây giáp với phần đất hiện hữu của ông dài 04m, hướng Nam giáp đất hiện hữu của ông dài 43m, hướng Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị Ú dài 43m.

Năm 1974 cha ruột ông khai phá phần đất diện tích 477,5m², đất tọa lạc tại khóm E, phường H, thành phố C. Đến năm 1980 cha ông tặng cho lại cho ông nhưng không làm giấy tờ tặng cho.

Sau khi được tặng cho đất, ông có cất nhà ở trên đất. Đến năm 1997, đại diện UBND phường H2 có đến gặp ông để mượn một phần đất có kích thước 4m x 10m để cất nhà tình nghĩa trên đất cho bà Huỳnh Thị L - là Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng, do bà L có hoàn cảnh khó khăn thì được ông đồng ý, khi cho mượn đất, UBND phường H2 có lập giấy mượn đất và có lập biên bản họp dân về việc mượn đất của ông cất nhà tình nghĩa cho bà L, hiện các giấy tờ này do Ủy ban nhân dân phường H2 lưu giữ, khi mượn đất thỏa thuận khi nào bà L chết thì ông lấy lại đất.

Năm 2006 bà L chết, vợ chồng ông N là con bà L quản lý đất này, đến khoảng năm 2007 – 2008 thì ông N tiếp tục lấn chiếm thêm diện tích 132m², như vậy tổng cộng phần đất cho mượn và phần đất ông N lấn chiếm có tổng diện tích 172m². Do ông đi làm ăn xa không hay, đến năm 2018 ông mới hay ông N lấn chiếm đất nên yêu cầu ông N trả lại, ông N có trả lại phần lấn chiếm nhưng sau đó lại tái chiếm. Năm 2023 ông yêu cầu Ủy ban nhân dân phường H2 hòa giải tranh chấp đất nhưng không thành.

Hiện trạng phần đất tranh chấp có căn nhà tình nghĩa trên đất, do bà Huỳnh Thị L đứng mục kê vào các năm 1998 và 2009, việc bà L đứng tên mục kê là do ông kê khai nhờ bà L đứng mục kê dùm. Sau khi bà L chết thì hiện nay ông N và anh C quản lý đất và sử dụng căn nhà này.

Nay ông đồng ý với số liệu đo đạc, đồng ý với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, đồng ý với kết quả chứng thư thẩm định giá. Yêu cầu ông N và anh C di dời

nhà, trả lại diện tích đất có diện tích theo đo đạc thực tế 136,1m² tọa lạc tại đường T, khóm E, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau cho ông.

- *Đại diện theo ủy quyền của ông N trình bày:* Ông N không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu của ông T, lý do: Do trước đây bà Huỳnh Thị L cất nhà trên phần đất Nhà máy xây lúa N nên bị nhà nước giải tỏa, sau đó bà L được cấp lại phần đất khác vào năm 1977, là phần đất hiện ông T tranh chấp với ông N. Năm 1997 bà L được nhà nước hỗ trợ xây dựng căn nhà tình nghĩa trên phần đất này. Đến khoảng năm 2003 bà L có cho ông T mượn một phần đất phía sau hậu đất để con ông T cất nhà ở đến nay.

Do điều kiện khó khăn, lớn tuổi nên phần đất bà L được cấp thì bà L chưa lập thủ tục cấp quyền sử dụng đất, tuy nhiên năm 1998, 2009 bà L đã đứng tên mục kê phần đất được cấp với diện tích 281,4m².

Quá trình quản lý sử dụng đất, ông T với bà L cũng như ông T với ông N không xảy ra tranh chấp, sau khi bà L chết năm 2006, nhưng đến năm 2023 ông T mới tranh chấp yêu cầu ông N trả lại đất.

Do đây là đất của bà L được nhà nước cấp tái định cư năm 1977, bà L đứng tên mục kê năm 1998, 2009, bà L và ông N quản lý sử dụng đất ổn định đến nay, vì vậy không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông T.

Bà L có chồng 04 người con, chồng bà L đã chết trước bà L, các con bà L gồm: Liệt sĩ Nguyễn Văn L1 (không có vợ con), liệt sĩ Nguyễn Văn T2 (không có vợ con), bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị N2 (là vợ ông N, đã chết năm 2021). Ông N với bà N2 có 02 người con gồm: Anh Hồng Văn C và chị Hồng Thị Q. Hiện ông N và anh C sinh sống tại căn nhà trên phần đất tranh chấp với ông T, là người trực tiếp thờ cúng bà L, ông L1, ông T2 và bà N2.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Anh Hồ Thanh T1 trình bày: Anh T1 thống nhất lời trình bày của ông Hồ Văn T.

Anh Hồng Văn C trình bày: Anh C thống nhất lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của ông Hồng Văn N.

Chị Hồng Thị Q trình bày: Chị là con của ông Hồng Văn N và bà Nguyễn Thị N2. Phần đất tranh chấp có nguồn gốc của bà Huỳnh Thị L (là bà ngoại của chị Q) tặng cho cha mẹ chị. Mẹ chị chết năm 2021, nhà đất hiện đang tranh chấp do ông N và anh C quản lý sử dụng, thờ cúng bà L, ông L1, ông T2 và bà N2. Việc ông T khởi kiện yêu cầu ông N và anh C trả lại đất tranh chấp là không đúng, chị không đồng ý.

Bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Mẹ bà là bà Huỳnh Thị L trước đây bị nhà nước giải tỏa đất nên nhà nước cấp lại phần đất tái định cư vào năm 1977 (là phần đất hiện ông T tranh chấp với ông N). Từ thời điểm năm 1977 bà L sống cùng với bà Nguyễn Thị N2. Năm 1985 bà N2 lập gia đình với ông N, từ đó bà N2 với ông N tiếp tục sinh sống tại phần đất này cùng với bà L. Do gia đình bà L có công với cách mạng, nên năm 1997 bà L được nhà nước xét xây tặng căn nhà tình nghĩa trên đất này. Khoảng năm 2003 bà có biết việc bà L có cho ông Hồ Văn T mượn một phần đất phía sau của phần hậu đất tái định cư để con ông T cất nhà ở đến nay.

Do điều kiện khó khăn, lớn tuổi nên phần đất bà L được cấp tái định cư thì bà L chưa lập thủ tục cấp quyền sử dụng đất, tuy nhiên năm 1998, 2009 bà L đã đứng tên mục kê đất với diện tích 281,4m².

Khi bà Huỳnh Thị L còn sống, bà L đã tặng cho nhà đất này lại cho ông N và bà N2. Năm 2021 bà N2 chết, hiện nhà đất trên do ông N và anh C quản lý sử dụng. Do nhà và đất hiện do ông N và anh C quản lý sử dụng đã được bà L tặng cho ông N và bà N2, vì vậy bà không ý kiến gì đối với nhà đất này. Việc ông T khởi kiện yêu cầu ông N và anh C trả lại nhà đất tranh chấp là không đúng, bà không đồng ý.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Hồ Văn T tranh luận:* Căn cứ vào sổ mục kê đất, căn cứ vào xác nhận của nguyên chính quyền địa phương, căn cứ vào thông tin thu thập từ những người sinh sống tại địa phương, nên xét thấy việc ông T có cho bà L mượn đất cất nhà tình nghĩa là đúng. Hiện bà L đã chết, ông N và anh C quản lý nhà đất này, vì vậy ông T khởi kiện yêu cầu ông N và anh C di dời nhà trả lại đất cho ông T theo diện tích đo đạc thực tế là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 259/2024/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau tuyên Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn T.

Buộc ông Hồng Văn N và anh Hồng Văn C có nghĩa vụ hoàn trả giá trị phần đất có diện tích 136,1m² thuộc một phần thửa số 61, 66, 67 tờ bản đồ số 8 bản đồ địa chính chính lý năm 2009, đất tại khóm E, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau cho ông Hồ Văn T bằng số tiền 729.622.900 đồng (*Bảy trăm hai mươi chín triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn chín trăm đồng*).

Ông Hồng Văn N và anh Hồng Văn C được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 136,1m², thuộc một phần thửa số 61, 66, 67 tờ bản đồ số 8 bản đồ địa chính chính lý năm 2009, đất tọa lạc khóm E, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau, theo bản trích đo hiện trạng ngày 24/6/2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn P3.

(Có kèm theo bản trích đo hiện trạng ngày 24/6/2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn P3).

Buộc ông Hồng Văn N và anh Hồng Văn C có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Hồ Văn T chi phí đo đạc, chi phí định giá bằng tổng số tiền là 14.061.384 đồng (*Mười bốn triệu không trăm sáu mươi một nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng*).

Về án phí dân sự sơ thẩm ông Hồng Văn N và anh Hồng Văn C phải chịu số tiền 33.747.000 đồng (*Ba mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/09/2024, ông Hồng Văn N, Hồng Văn C kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 30/10/2024 nộp đơn kháng cáo bổ sung và nộp đơn phản tố.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn yêu cầu cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện hợp pháp cho bị đơn yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hồng Văn N và Hồng Văn C. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của các bị đơn còn trong hạn luật định.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn thừa nhận phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế diện tích 136,1m² thuộc một phần thửa số 61, 66, 67 tờ bản đồ số 8 bản đồ địa chính chỉnh lý năm 2009, tại khóm E, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Trên phần đất tranh chấp có căn nhà tình nghĩa và 02 cây mai vàng, hiện do ông N và anh C quản lý. Theo định giá phần đất là 729.622.900 đồng (*B trăm hai mươi chín triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn chín trăm đồng*).

[3] Nguồn gốc đất tranh chấp: Ông T cho rằng phần đất tranh chấp do cha mẹ ông khai phá năm 1974, sau đó năm 1980 tặng cho lại ông, nhưng ông T không có tài liệu giấy tờ, chứng cứ gì để chứng minh việc cha mẹ ông khai phá và cho đất cho ông. Ông T cho là năm 1997 UBND phường 8 vận động ông, cho bà L mượn đất cất nhà ngang 4m dài 10m, nên ông cho bà Huỳnh Thị L mượn một phần đất để nhà nước cất nhà tình nghĩa cho bà L ở, không nói rõ thời gian mượn và diện tích bao nhiêu. Việc vận động cho mượn đất cũng không có giấy tờ, chứng cứ gì chứng minh. Đối với ông N cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp trước năm 1977 bà Huỳnh Thị L ở trên phần đất Chành Lúa N, sau đó là của Xí nghiệp Giấy, bị nhà nước giải tỏa nhà nên được cấp đổi lại phần đất hiện nay, sau đó bà L được UBND phường H2 và nhà nước xét hỗ trợ tiền cất tặng nhà tình nghĩa.

Chứng minh cho lời trình bày của mình, ông N căn cứ sổ mục kê đất và trích lục bản đồ do bà Huỳnh Thị L đứng tên. Theo sổ mục kê đất lập năm 1998, bà L đứng tên phần đất có diện tích 172m² thuộc tờ bản đồ số 9, thửa số 45; theo sổ mục kê đất lập năm 2009 điều chỉnh, bà L đứng tên phần đất có diện tích 281,4m² thuộc tờ bản đồ số 8, thửa số 67.

[4] Phần đất ông T đăng ký kê khai theo sổ mục kê đất và trích lục bản đồ do ông đứng tên năm 1998 tờ bản đồ số 9 thửa số 41 diện tích 253,1m². Theo mục kê năm 2009 là tờ bản đồ số 8, thửa 68 diện tích 214,2m², giáp với phần đất bà L. Ông T cho là ông có đăng ký kê khai đất để bà Huỳnh Thị L đứng tên mục kê, việc này nhằm hợp thức cho việc bà L xây cất nhà tình nghĩa. Ngoài sổ mục kê các bên không ai, có giấy tờ gì chứng minh về nguồn gốc đất.

[5] Qua kết quả thu thập thông tin hồ sơ cất tặng nhà tình nghĩa của bà Huỳnh Thị L, được Phòng lao động thương binh và xã hội thành phố C cung cấp tại Công văn 372/BC-LĐTB&XH ngày 07/8/2024 thể hiện, năm 1997 Phòng Lao động thương binh và xã hội thành phố C có hỗ trợ nhà tình nghĩa cho bà Huỳnh Thị L, do thời gian đã qua nhiều năm, hồ sơ xây dựng nhà tình nghĩa cho bà L không còn lưu giữ tại Phòng L. Về thủ tục xây nhà tình nghĩa lúc đó có khác so với quy định hiện hành, có thể có trường hợp mượn đất để được cất nhà tình nghĩa, nhưng việc xác định là do chính quyền địa phương xác định. Qua kết quả thu thập thông tin từ những người nguyên lãnh đạo Ủy ban nhân dân phường H2, những người hiểu biết về nguồn gốc đất tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn hiện nay như: Ông Nguyễn Thanh Đ1 - nguyên là chủ tịch UBND phường H2; ông Phạm Cao T3 - nguyên là Phó Chủ tịch UBND phường H2; ông Võ Văn L2 - nguyên là Trưởng khóm E; ông Võ Thanh P1 - Trưởng khóm E; ông Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1953; bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1952; ông Nguyễn Chánh T4, sinh năm 1956, xác nhận nội dung: Trước năm 1997 bà Huỳnh Thị Liên T5 tỉnh Kiên Giang đến Phường H, thành phố C sinh sống, do bà L không có đất ở nên phải ở nhờ trên phần đất Xí nghiệp giấy, khi Xí nghiệp giấy thực hiện việc bàn giao đất lại cho Công ty N4 thực phẩm thì Xí nghiệp giấy có yêu cầu bà L di dời nhà ở đi nơi khác. Nên đã mượn đất của ông T ở. Các xác nhận này mâu thuẫn với các xác nhận của những hộ dân sống lâu năm tại đây.

[6] Theo chứng nhận của Ban quân quản ngày 07/10/1975 về việc giới thiệu của xã T - Sóc Trăng thì thời điểm này địa danh nơi phần đất tranh chấp hiện nay do ông N đang quản lý là ấp V, xã T, Quận Q, tỉnh An Xuyên. Cho thấy có chứng cứ bà L đã ở tại (A) Cà Mau thời điểm năm 1975. Bản thân bà L là mẹ Việt Nam anh hùng đương nhiên bà L cũng thuộc diện gia đình chính sách, cũng sẽ được xem xét cấp đất ở việc xác nhận của Phòng L ghi là “có thể mượn đất để cất nhà tình nghĩa”, điều này là chưa có căn cứ xác thực. Bởi vì không có hồ sơ lưu giữ, việc xét tặng nhà tình nghĩa là xét tặng trị giá nhà bằng tiền hay việc mượn đất điều không có chứng cứ, chứng minh.

[7] Tại xác nhận của ông Hồ Văn Q1 là anh ruột của ông T xác định cha mẹ ông không có đất tại đây và không khai phá đất, cũng không có cho đất ông T và ông T cũng không có đất tại đây. Qua xác minh những người sống lân cận tại phần đất cũng như lời trình bày của ông Q1 đều xác định nguồn gốc đất của ông Lê Văn V và vợ là Trần Như N3 sau năm 1975 đã bỏ trống về quê. Ông Q1 xác nhận cha ông có hỏi mượn của ông Năm P2 nguyên là Phó chủ tịch UBND phường 8 để cất chòi lá cho ông T ở, để làm nghề đưa đồ, thời điểm này có nhiều khu đất vắng chủ. Tại hồ sơ thể hiện đất ông T đang ở và đất bà L đều có sổ mục kê riêng giáp ranh nhau số thửa diện tích cũng khác nhau, từ trước tới nay không tranh chấp. Ông Tôn Quang H, bà Lê Kim X là con ông V, bà N3 cũng xác định bà L là hàng xóm ở tại C lúa N. Nguyễn Thị B1, Huỳnh Kim Hoàng Lê thanh Danh, Lê Thị Mỹ D1, Lê thị Nương Võ Hoàng A, Lê Văn T6, Lê Thị H1, Hồ Thị Út E v...v đều xác định bà L ở trên phần đất của C1 lúa N sau đó giải tỏa, thời điểm này địa phương quản lý phần đất trống của ông V, bà N3 nên đưa bà L đến phần đất hiện nay đang ở. Khi nhà máy giấy xây dựng có cất cho bà L một căn nhà cây gỗ địa phương cũng thời

gian này ông T không có đất ở là bộ đội nên xin một phần đất ở cặp ranh bà L để ở. Năm 1998 bà L, ông T đăng ký mục kê. Năm 2006 bà L chết. Đến năm 2009 nhà nước điều chỉnh phân đất vẫn đứng tên mục kê bà L. Đất ông T, bà L là hai phần đất khác nhau số thửa, mục kê đều khác nhau. Ông T cho là đất của ông T, thì vì sao ông T đi làm mục kê lại đăng ký để bà L đứng tên. Từ năm 1997 đến nay ông T cũng không có chứng cứ tài liệu gì chứng minh là đất của ông T, hay khởi kiện đòi lại đất đối với bà L. Năm 2006 bà L chết thì vì sau khi điều chỉnh bản đồ chính lý năm 2009 ông không chỉnh lấy lại phần đất đứng tên của mình, trong khi ông T là người ở cặp ranh đất bà L và cũng không thể hiện việc đòi đất đối với bà L. Các xác nhận của những người sống lâu năm gần phần đất đều xác định bà L ở tại Cà Mau từ trước năm 1977.

Như vậy không có căn cứ pháp lý chứng minh phần đất tranh chấp là của ông T, không có chứng cứ tài liệu chứng cứ chứng minh bà L ở nhờ đất, hay mượn đất hay UBND phường 8 mượn đất cho bà L. Án sơ thẩm buộc ông N anh C trả lại giá trị đất là chưa có căn cứ. Vì vậy chấp nhận kháng cáo của ông N và anh C sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[8] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[9] Về chi phí tố tụng: Ông Hồ Văn T phải chịu toàn bộ các chi phí theo quy định, đã dự nộp xong.

[10] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Hồ Văn T là người cao tuổi được miễn.

[11] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồng Văn N, Hồng Văn C không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của ông Hồng Văn N và Hồng Văn C.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 259/2024/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1 - Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn T về việc buộc ông Hồng Văn N và anh Hồng Văn C có nghĩa vụ hoàn trả giá trị phần đất diện tích 136,1m² thuộc một phần thửa 61,66,67 tờ bản đồ số 8 bản đồ địa chính chỉnh lý năm 2009 tại khóm E phường H thành phố C trị giá bằng số tiền 729.622.900 đồng.

Kèm theo bản trích đo hiện trạng do Công ty trách nhiệm hữu hạn P3 lập ngày 24/6/2024).

2 - Chi phí đo đạc xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá tài sản tranh chấp ông Hồ Văn T phải chịu số tiền 14.061.384 đồng (Đã nộp xong)

3 - Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Văn T không phải chịu. Ông T là người cao tuổi đã được miễn dự nộp.

4- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồng Văn N, anh Hồng Văn C không phải chịu. Ngày 10/9/2024, mỗi người đã dự nộp 300.000 đồng lai số 0009264 và số 0009263 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Hùng Quang

